

Số: 46 /BC-UBND

Hưng Yên, ngày 11 tháng 4 năm 2013

BÁO CÁO

Về tình hình thi hành Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004

Thực hiện Kế hoạch Giám sát của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh số 47/KH-VHXXH ngày 05/3/2013 về tình hình thực hiện Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (sau đây viết tắt là BVCSGDTE) trên địa bàn tỉnh như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Tình hình trẻ em

Toàn tỉnh hiện có trên 324 nghìn trẻ em, chiếm 28% dân số của tỉnh; Trong đó:

- Nam: 168 nghìn em
- Nữ: 156 nghìn em
- Số người chưa thành niên từ 16 đến dưới 18 tuổi khoảng 48 nghìn người;
- Số trẻ em dưới 6 tuổi khoảng 106 nghìn em;
- Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em nghèo trên 10 nghìn em (chiếm 3,1% tổng số trẻ em).

2. Những thuận lợi, khó khăn trong công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em

Công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em những năm qua luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền; phối hợp của các cấp, các ngành, sự tham gia của các gia đình và toàn xã hội. Những thành tựu về phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong những năm qua đã có những tác động trực tiếp, góp phần nâng cao điều kiện đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo các quyền cơ bản của trẻ em. Nhận thức, trách nhiệm và hành động trong việc thực hiện quyền trẻ em của các tầng lớp nhân dân ngày càng được nâng cao. Nguồn lực dành cho công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em đã được quan tâm bố trí và tăng dần hàng năm. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho trẻ em trong tỉnh đã có nhiều tiến bộ.

Tuy nhiên, là một tỉnh tiếp giáp với thủ đô Hà Nội, đang trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế mạnh mẽ, Hưng Yên đã và đang bị ảnh hưởng tiêu cực từ những mặt trái cơ chế thị trường, tác động trực tiếp đến môi trường sống của các gia đình và bản thân trẻ em. Tỷ lệ người dân sống ở khu vực nông thôn cao nên phương pháp quản lý, giáo dục, bảo vệ chăm sóc trẻ em vẫn còn bị chi phối bởi một số tập quán lạc hậu.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM

1. Công tác quản lý nhà nước về trẻ em

1.2. Các văn bản của tỉnh đã ban hành

Sau khi Luật BVCSGDTE được ban hành, UBND tỉnh đã tham mưu với Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành các văn bản lãnh đạo việc triển khai thực hiện; theo thẩm quyền trực tiếp ban hành văn bản nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật BVCSGDTE và Nghị định 36/2005/NĐ-CP của Chính phủ (và sau đó đã được thay thế bằng Nghị định 71/2011/NĐ-CP); chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện Luật, trong đó có các văn bản quan trọng như sau:

- Quyết định 871/QĐ-UB ngày 10/5/2007 về việc phê duyệt Chương trình Dân số gia đình và trẻ em giai đoạn 2006-2010, định hướng đến năm 2015.

- Văn bản số 07/CV-UB ngày 10/01/2005 về việc tăng cường chỉ đạo công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em, trong đó hướng dẫn các sở, ngành và UBND các huyện, thị tập trung chỉ đạo công tác BVCSGD trẻ em, thực hiện tốt Luật BVCSGD trẻ em.

- Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 25/6/2010 v/v ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 1408/CT-TTg ngày 01/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác BVCSGD trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 14/7/2010 phê duyệt kế hoạch hành động vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

- Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 30/12/2011 về Bảo vệ trẻ em tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015;

- Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 31/12/2012 về thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2012-2020.

- Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 18/01/2013 về phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2012-2015.

1.2. Sự chỉ đạo của UBND các cấp trong công tác triển khai thi hành Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và các chính sách về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em

Căn cứ Chương trình hành động vì trẻ em của tỉnh giai đoạn 2006-2010 và giai đoạn 2012-2020, các sở, ngành, địa phương đã xây dựng kế hoạch thực hiện các mục tiêu vì trẻ em giai đoạn 2001-2010 phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện cụ thể của đơn vị (giai đoạn 2012-2020 hiện đang triển khai). Nguồn lực dành cho công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em đã được tỉnh quan tâm bố trí và tăng dần hàng năm. Bên cạnh đó, các hoạt động hợp tác quốc tế, xây dựng và phát triển Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp cũng được triển khai tích cực, góp phần tăng cường nguồn lực cho công tác BVCSGDTE.

Ngoài những chính sách của Trung ương, nhiều chương trình, dự án của tỉnh chăm lo cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đã được triển khai, nhất là từ 2005 đến nay như: Trẻ em lang thang, trẻ em khuyết tật và bị bệnh hiểm nghèo, trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, trẻ em bị tai nạn thương tích...

Tiếp tục triển khai mở rộng việc xây dựng các xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “Xã, phường phù hợp với trẻ em” theo Quyết định số 37/2010/QĐ-TTg ngày 22/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tạo môi trường gia đình, xã hội an toàn, lành mạnh, thuận lợi cho việc đảm bảo các quyền trẻ em. Đến nay

UBND các huyện, thành phố đã công nhận 106/161 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn Xã, phường phù hợp với trẻ em.

1.3. Xây dựng bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em

Trước tháng 6/2008: cơ quan tham mưu trực tiếp là Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh. Bộ phận chuyên môn: Ở cấp tỉnh có Phòng nghiệp vụ Trẻ em; cấp huyện có Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em huyện, thị; ở cấp xã có mạng lưới cán bộ bán chuyên trách và cộng tác viên (thôn, xóm). Đây được coi là mô hình tổ chức tốt để thực hiện công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em.

Từ tháng 6/2008, nhiệm vụ bảo vệ chăm sóc trẻ em được chuyển giao về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. Bộ phận chuyên môn: Ở cấp tỉnh có Phòng Bảo vệ Chăm sóc Trẻ em; ở cấp huyện có Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; ở cấp xã: hầu hết các xã giao cho cán bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (hiện nay đã có khoảng 60% cán bộ được tuyển dụng công chức cấp xã), một số ít địa phương giao cho cán bộ Dân số/Kế hoạch hóa gia đình kiêm nhiệm.

Hàng năm, cán bộ làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em các cấp được đào tạo, tập huấn nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng, cập nhật thông tin chính sách đảm bảo triển khai các hoạt động về BVCSSTE. Tuy nhiên do nhiều lần thay đổi về tổ chức nên hầu hết số cán bộ cấp cơ sở còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm. Hơn nữa, mô hình tổ chức hiện nay không có mạng lưới cộng tác viên (thôn, xóm) nên việc triển khai hoạt động chuyên môn khó khăn hơn so với giai đoạn từ năm 2001-2007.

1.4. Sự phối hợp trong công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm của mỗi ngành và các mục tiêu vì trẻ em đã được đề ra trong Chương trình hành động vì trẻ em của tỉnh, các ngành, tổ chức đoàn thể đã lồng ghép nhiệm vụ BVCSGD trẻ em vào lĩnh vực hoạt động chuyên môn của mình. Nhiều phong trào, hoạt động thiết thực được phát động nhằm tăng cường việc thực hiện quyền trẻ em, hoàn thành các mục tiêu vì trẻ em, ngăn ngừa và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như: "Phong trào gia đình văn hoá, khu dân cư văn hoá" (ngành Văn hoá); chương trình chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em, phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật" (ngành Y tế); hoạt động đưa chính sách về BVCSGDTE vào hương ước, quy ước, mô hình "Khu dân cư không có trẻ em lang thang" (Ủy ban MTTQ); xây dựng mô hình phòng ngừa trẻ em làm trái pháp luật (ngành Công an)... Trong quá trình thực hiện, nhiều tổ chức, ban, ngành, đoàn thể có những cách làm hiệu quả. Tiêu biểu như: Hội LHPN tỉnh với Đề án "Giáo dục 5 triệu bà mẹ dạy con tốt"; "Quản lý giáo dục con em không phạm tội và mắc tệ nạn xã hội"; phong trào "Hỗ trợ phụ nữ và trẻ em nghèo"; Hội nông dân tỉnh với mô hình xây dựng các CLB "Gia đình nông thôn kiểu mẫu", phong trào đỡ đầu cho trẻ em nông thôn nghèo; Tỉnh đoàn thanh niên chỉ đạo các cấp bộ đoàn hàng năm tổ chức tốt các hoạt động hè giúp trẻ em có những mùa hè vui tươi bồi ích và an toàn...

Hoạt động hợp tác quốc tế cũng được đẩy mạnh thông qua các chương trình, dự án về BVCSGD trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như: Dự án "Ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang" (hợp tác với tổ chức PLAN, từ 1999-2006), dự án "Bảo vệ trẻ em" (hợp tác với UNICEF từ 1999-2007), dự án

"Những cuộc đời trẻ thơ" (hợp tác Tổ chức cứu trợ trẻ em Anh), dự án "Hỗ trợ trẻ em khuyết tật" (hợp tác với tổ chức Hand of Hope) cùng một số tổ chức khác...

Tuy nhiên, BVCSTE là lĩnh vực liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, nhất là sự chỉ đạo tập trung của các cấp uỷ, chính quyền để việc triển khai đồng bộ, nhịp nhàng, không chồng chéo và cũng không bỏ sót các hoạt động. Trên thực tế, ở một số địa phương, cơ sở vẫn còn hiện tượng giao phó hoàn toàn trách nhiệm cho ngành chuyên môn. Đặc biệt ở cấp cơ sở, cán bộ làm công tác trẻ em ở cấp xã hiện nay đang phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, khiến cho các hoạt động BVCSTE ở nhiều cơ sở trở nên mờ nhạt; công tác tuyên truyền, giáo dục, giám sát thực hiện không thường xuyên.

2. Kết quả thực hiện Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

2.1. Công tác tuyên truyền luật pháp, chính sách về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em

Truyền thông, vận động xã hội được Chương trình hành động vì trẻ em của tỉnh xác định là giải pháp quan trọng trong công tác BVCSGDTE. Hoạt động tuyên truyền, vận động được tăng cường và ngày càng đổi mới về nội dung và hình thức thể hiện như: Truyền thông đại chúng, truyền thông trực tiếp, tư vấn tại gia, tư vấn cộng đồng nhằm phổ biến các kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng về bảo vệ chăm sóc trẻ em đến các cấp uỷ, chính quyền; các ban, ngành, đoàn thể, các gia đình, thầy cô giáo, bản thân trẻ em và cả cộng đồng.

Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hưng Yên và 100% các Đài Truyền thanh cấp huyện và xã đã duy trì tốt chuyên mục bảo vệ chăm sóc trẻ em. Nhiều hoạt động truyền thông mang tính sáng tạo, phát huy tốt quyền trẻ em, được các em hưởng ứng như: Xây dựng chuyên mục "**Tiếng nói trẻ thơ**" trên Báo Hưng Yên; xây dựng mạng lưới phóng viên nhỏ; phát hành tập san "**Hoa nhĩn**" gồm những sáng tác của trẻ em; tổ chức cuộc thi tìm hiểu về quyền trẻ em dành cho trẻ em ... Trong 3 năm gần đây, hoạt động truyền thông được mở rộng và tập trung vào đối tượng đích là trẻ em. Riêng trong năm 2012 đã tổ chức 390 buổi tuyên truyền về bảo vệ chăm sóc trẻ em cho khoảng 120.000 lượt trẻ em tham gia. Hoạt động truyền thông đã phổ biến các kiến thức, kỹ năng về bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, phòng tránh xâm hại trẻ em, phòng tránh tai nạn thương tích, ngăn ngừa trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt..., góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của gia đình, cộng đồng và toàn xã hội trong việc bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em, đảm bảo quyền trẻ em.

Tuy nhiên, hoạt động truyền thông thời gian qua so với yêu cầu còn chậm đổi mới về hình thức và thiếu chiều sâu. Các hình thức truyền thông trực tiếp, tham vấn, tư vấn triển khai còn hạn chế do thiếu đội ngũ tuyên truyền viên; kỹ năng và phương pháp truyền thông của cán bộ cơ sở còn yếu. Tài liệu truyền thông về kỹ năng, phương pháp nuôi dạy trẻ em còn thiếu và chưa đủ sức hấp dẫn đối với các gia đình và trẻ em. Tại các địa phương, vẫn còn hiện tượng né tránh, không cung cấp thông tin các vụ việc tiêu cực, vi phạm quyền trẻ em.

2.2. Về bảo vệ trẻ em

2.2.1. Việc thực hiện khai sinh cho trẻ em

Sau khi Luật BVCSGDTE năm 2004 có hiệu lực, việc cấp thẻ khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi đã góp phần cải thiện đáng kể việc đăng ký khai sinh cho trẻ em. Theo báo cáo của các huyện, thành phố, đến nay tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được đăng ký khai sinh là 100%. Tuy nhiên thực tế vẫn còn biểu hiện như: Khai sinh muộn hoặc cá biệt có trường hợp trẻ chưa được đăng ký khai sinh bởi những lý do như: Bố mẹ không có giấy đăng ký kết hôn; gia đình đi làm ăn xa, người mẹ không đăng ký thường trú...

2.2.2. Thực trạng một số nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

** Về tình hình trẻ em bị xâm hại, bạo lực:*

Hàng năm trên địa bàn tỉnh vẫn còn hiện tượng xâm hại, bạo lực trẻ em. Trong 3 năm gần đây (từ 2010 - 2012), toàn tỉnh phát hiện 32 vụ việc xâm hại trẻ em (đối với 32 trẻ em), trong đó:

- Giết trẻ em: 01 vụ;
- Hiếp dâm trẻ em: 05 vụ;
- Giao cấu với trẻ em: 07 vụ;
- Dâm ô với trẻ em: 06 vụ;
- Cố ý gây thương tích cho trẻ em: 07 vụ;
- Các hành vi khác: 06 vụ.

Tại tỉnh chưa có khảo sát về tình trạng xâm hại trẻ em trong trường học và gia đình, nhưng thông qua các diễn đàn trẻ em và hoạt động của các CLB trẻ em cho thấy hiện tượng trẻ em bị đánh mắng, xúc phạm danh dự ở trong gia đình, thậm chí trong nhà trường vẫn còn khá phổ biến, ước tính khoảng 350 – 500 trường hợp mỗi năm. Phần đông các gia đình còn duy trì quan điểm giáo dục bằng đòn roi, một số các gia đình nhận thức được việc dạy dỗ con cái bằng phương pháp đánh mắng là không tốt nhưng bế tắc trong lựa chọn phương pháp.

** Về tình hình trẻ em lao động trong điều kiện độc hại, nguy hiểm:*

Trên địa bàn tỉnh vẫn còn tình trạng trẻ em dưới 16 tuổi tham gia lao động. Trong số đó, hầu hết là những trẻ em có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhiều em đã nghỉ học. Công việc chủ yếu của các em là tham gia trong các cơ sở sản xuất thủ công và giúp việc gia đình như: Bán hàng thuê, phục vụ trong các cửa hàng ăn, nhặt và phân loại phế liệu. Một số em lao động sản xuất tại gia đình nhưng với khối lượng công việc của người trưởng thành.

Quá trình thanh tra, kiểm tra tại các doanh nghiệp và chủ sử dụng lao động năm 2012 cho thấy có 05 doanh nghiệp có sử dụng lao động chưa thành niên (tương ứng với số lao động chưa thành niên là 72 người), đều thuộc lĩnh vực may mặc. Trong đó có 01 Doanh nghiệp có biểu hiện vi phạm quy định về sử dụng lao động chưa thành niên (tương ứng với số lao động chưa thành niên là 18 người).

** Về tình hình trẻ em vi phạm pháp luật (từ 2010 đến nay).*

Tổng số 232 vụ (305 đối tượng), trong đó:

- Giết người: 03 vụ (03 đối tượng);
- Cướp tài sản: 25 vụ (39 đối tượng);
- Cưỡng đoạt tài sản: 04 vụ (04 đối tượng);

- Hiếp dâm: 04 vụ (05 đối tượng);
- Cố ý gây thương tích: 56 vụ (88 đối tượng);
- Trộm cắp tài sản: 84 vụ (95 đối tượng);
- Cướp giật: 03 vụ (03 đối tượng);
- Gây rối trật tự công cộng: 03 vụ (04 đối tượng);
- Đánh bạc: 05 vụ (05 đối tượng);
- Vi phạm khác: 45 vụ (59 đối tượng).

** Về tình hình trẻ em bị tai nạn thương tích*

Hàng năm trên địa bàn tỉnh vẫn xảy ra các vụ tai nạn thương tích trẻ em. Riêng trong năm 2012, số trẻ em bị tai nạn thương tích là 217 em, tử vong 29 em, nguyên nhân chủ yếu là đuối nước. Chương trình phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em được triển khai từ năm 2009 và tiếp tục duy trì thường xuyên. Các nội dung về phòng chống tai nạn thương tích được tuyên truyền lồng ghép vào các chương trình ngoại khoá cho học sinh tại các nhà trường phổ thông; hoạt động dạy bơi trẻ em được nhiều địa phương quan tâm, mỗi năm có khoảng 200 trẻ em được dạy kỹ năng bơi. Đã thí điểm tổ chức triển khai mô hình Ngôi nhà an toàn phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ em tại 3 xã thuộc 3 huyện (Văn Lâm, Khoái Châu và Yên Mỹ). Kết quả đã có 3030/3595 ngôi nhà trên địa bàn thí điểm đạt tiêu chuẩn Ngôi nhà an toàn theo Quyết định số 548/2011/QĐ-LĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2.2.3. Các biện pháp bảo vệ trẻ em và kết quả

Việc rà soát, điều tra, phân loại các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được thực hiện hàng năm, làm cơ sở để xây dựng và triển khai các giải pháp theo 3 nhóm hoạt động can thiệp để ngăn ngừa và hỗ trợ các đối tượng gồm: (1) truyền thông, vận động; (2) nâng cao năng lực cho cán bộ; (3) hỗ trợ đối tượng. Trung bình mỗi năm, tổ chức truyền thông trực tiếp đến khoảng 1.500 đối tượng là cán bộ, cha mẹ trẻ và bản thân trẻ em; tuyên truyền trên sóng phát thanh - truyền hình và Đài Truyền thanh cấp xã khoảng 400 giờ; tập huấn, nâng cao năng lực cho gần 800 lượt cán bộ tham gia công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em các cấp; hỗ trợ giáo dục, trợ cấp đột xuất cho khoảng 1.500 em; hỗ trợ y tế cho gần 600 em; phẫu thuật phục hồi chức năng, cấp xe lăn cho khoảng 100 trẻ em khuyết tật; thăm tặng quà cho khoảng 30.000 lượt trẻ em...

Nhiều hoạt động hỗ trợ thực hiện hiệu quả, nâng cao đời sống cho những người nghèo, góp phần chăm sóc trẻ em trong các gia đình nghèo, ngăn ngừa trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt. Chương trình xoá đói, giảm nghèo của tỉnh được triển khai tích cực. Các đơn đề nghị hoặc tố cáo các vụ việc xâm hại trẻ em được xử lý kịp thời, góp phần ngăn ngừa và răn đe các hành vi vi phạm quyền trẻ em.

Các ngành chức năng và các địa phương đã phối hợp thực hiện tốt các chính sách, chế độ trợ cấp của Nhà nước đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Hàng năm, tỉnh đều bố trí kinh phí và triển khai Chương trình ngăn ngừa và hỗ trợ cho nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Quỹ Bảo trợ trẻ em được xây dựng và phát triển ở cấp tỉnh và 100% số huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn. Trong 10 năm qua, số thu của Quỹ Bảo trợ trẻ em toàn tỉnh đạt trên 22

tỷ đồng (riêng năm 2012 đạt trên 3,7 tỷ đồng), đây là nguồn lực quan trọng kịp thời hỗ trợ cuộc sống cho những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong tỉnh.

Toàn tỉnh hiện có 02 Trường phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật; 01 Trung tâm nuôi dưỡng trẻ mồ côi (ngoài công lập) và 01 Trung tâm Bảo trợ xã hội nuôi dưỡng trẻ bị bỏ rơi. Hàng năm các cơ sở này tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy chữ, dạy nghề cho khoảng 300-350 đối tượng.

Các nhóm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đã được quan tâm chăm sóc giúp đỡ thông qua việc thực hiện các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước và sự hỗ trợ, giúp đỡ của cộng đồng. Một số nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt số lượng đã giảm.

2.2.4. Về triển khai Hệ thống bảo vệ trẻ em

Bắt đầu từ năm 2012, thực hiện Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em, tỉnh ta đã bước đầu triển khai thí điểm mô hình “Hệ thống bảo vệ trẻ em”. Đến nay đã triển khai một số nội dung như: Thành lập Ban Bảo vệ trẻ em cấp xã và mạng lưới cộng tác viên; tập huấn các kiến thức về phòng chống xâm hại, bạo lực trẻ em cho trẻ em; tập huấn về quyền trẻ em và phương pháp giáo dục tích cực cho hộ gia đình; xây dựng điểm tư vấn trường học tại địa bàn trọng điểm triển khai chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em. Mục tiêu của mô hình là góp phần tạo nên môi trường an toàn thân thiện đối với trẻ em; giảm thiểu đáng kể các nguy cơ dẫn đến trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị tổn thương; đồng thời tăng cường quyền tham gia của trẻ em; đặc biệt là trợ giúp kịp thời cho nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em nghèo.

2.2.5. Khó khăn, hạn chế trong công tác bảo vệ trẻ em

Công tác bảo vệ trẻ em thời gian qua chủ yếu mới tập trung vào hỗ trợ các đối tượng khi đã rơi vào hoàn cảnh đặc biệt. Các chương trình thực hiện theo giai đoạn, quy mô, phạm vi còn nhỏ hẹp, nguồn kinh phí hạn chế (trong 5 năm qua, kinh phí từ ngân sách nhà nước khoảng 3,5 tỷ đồng) nên chưa đáp ứng được nhu cầu của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt toàn tỉnh.

Nhận thức của các gia đình và cộng đồng về vấn đề bảo vệ trẻ em chưa đầy đủ và phần nào còn bị xem nhẹ; nhiều thói quen, tập quán có hại cho trẻ em chưa được đấu tranh loại bỏ như việc “đánh đập, mắng chửi” trẻ em còn được xem là việc “bình thường”.

Các hành vi ngược đãi, xâm hại trẻ em chưa được cộng đồng chủ động phát hiện sớm và báo cho các cơ quan chức năng xử lý can thiệp kịp thời vì còn sợ bị liên lụy.

Bạo lực học đường ngày càng gia tăng và có nhiều biểu hiện phức tạp, cá biệt có vụ gây hậu quả nghiêm trọng.

Dịch vụ công về bảo vệ trẻ em còn thiếu, nhất là các dịch vụ về hỗ trợ tâm lý. Quy mô và phạm vi hoạt động của các cơ sở trợ giúp trẻ em còn nhỏ hẹp, chỉ mới đáp ứng được nhu cầu dạy chữ, dạy nghề cho một bộ phận trẻ câm điếc và trẻ mồ côi không nơi nương tựa.

2.3. Về chăm sóc trẻ em

Quyền được chăm sóc sức khoẻ của trẻ em được gia đình và xã hội đặc biệt quan tâm. Chương trình tiêm chủng mở rộng và phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em được thực hiện tốt.

Thực hiện Nghị định 36/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005 của Chính phủ, tỉnh đã tiến hành khảo sát số liệu, lập danh sách cấp đồng loạt Thẻ khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi và duy trì cấp thẻ hàng năm để thực hiện khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi miễn phí theo hình thức “thực thanh, thực chi”.

Từ năm 2010 đến nay, việc cấp Thẻ khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi đã chuyển sang hình thức phát Thẻ bảo hiểm y tế miễn phí (theo quy định tại khoản 1, Điều 24, Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-BTC và Công văn số 1084/BHXH-CSYT ngày 23/3/2011 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam). Việc thanh quyết toán chi phí đóng BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi do Bảo hiểm xã hội tỉnh thực hiện. Kinh phí mua Thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi do ngân sách tỉnh bảo đảm. Đến nay có 99,1% trẻ em dưới 6 tuổi được cấp Thẻ bảo hiểm y tế.

Tuy nhiên, hoạt động cấp Thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ em trong tỉnh gặp một số khó khăn:

- Theo quy trình cấp Thẻ hiện nay, cán bộ làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em cấp xã có trách nhiệm lập danh sách trẻ em dưới 6 tuổi; chuyển danh sách đó lên cơ quan Bảo hiểm Xã hội cấp huyện, sau đó chuyển Thẻ đến đối tượng. Đây là phần việc khá vất vả trong khi cán bộ cấp xã không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào và đang phải tham gia quá nhiều công việc của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Một số ít gia đình chưa chủ động, tích cực liên hệ với cán bộ của địa phương để thực hiện quyền lợi của trẻ em do không hiểu rõ chính sách của Nhà nước hoặc đã biết nhưng còn định kiến với việc khám, chữa bệnh bằng Bảo hiểm y tế.

2.4. Về giáo dục trẻ em

Quyền học tập của trẻ em ngày càng được các gia đình và các địa phương quan tâm. Cơ sở vật chất, điều kiện học tập không ngừng được cải tạo, nâng cấp. Nhiều loại hình trường học được mở rộng, tạo cơ hội cho trẻ em đến trường. Mạng lưới các trường mầm non, trường phổ thông rải đều khắp trên địa bàn tỉnh, thuận tiện và đáp ứng nhu cầu của học sinh. Đến nay toàn tỉnh đã có 174 trường mầm non; 167 trường tiểu học và 170 trường THCS trên tổng số 161 xã, phường, thị trấn. Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 100%; Tỷ lệ học sinh đi học tiểu học đúng tuổi đạt 100%; không có học sinh bỏ học ở bậc tiểu học; tỷ lệ học sinh đi học THCS đúng tuổi đạt 96%; tỷ lệ học sinh THCS bỏ học giảm còn 0,2%. Có trên 95% các trường phổ thông và trên 60% số trường mầm non là kiên cố cao tầng. Riêng 02 năm gần đây đã xây mới thêm 550 phòng học, 3 trạm y tế. Phong trào xây dựng môi trường học tập an toàn thân thiện, học sinh tích cực được đẩy mạnh. Tỉnh hiện có 02 trường phục hồi chức năng, mỗi năm dạy chữ, dạy nghề cho khoảng 300 lượt trẻ khuyết tật. Thực hiện nghiêm túc Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH về miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cũng như các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

2.5. Thực hiện quyền vui chơi giải trí và quyền được tham gia của trẻ em

Vui chơi giải trí là một nhu cầu quan trọng của trẻ em. Nhiều sân chơi bổ ích lý thú đã được tổ chức cho trẻ em như các hội thi, hội diễn, hoạt động hè, Tết thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu... được các nhà trường, địa phương tổ chức định kỳ hàng năm. Tuy nhiên quy mô ở những hoạt động này chưa đáp ứng được số đông trẻ em, nhất là những em có hoàn cảnh đặc biệt. Việc tạo điều kiện để trẻ em được thực hiện quyền vui chơi còn hạn chế. Hiện nay toàn tỉnh mới có 01 sân vận động cấp tỉnh; 03 bể bơi; 05/10 huyện có điểm vui chơi cấp huyện; 129/161 xã có điểm vui chơi, nếu tính cả những điểm đã được quy hoạch thì tổng số là 195/161 điểm. Nhìn chung cơ sở vật chất của các điểm vui chơi còn nghèo nàn, thiếu sức hấp dẫn trẻ em, nhất là những em lứa tuổi THCS. Việc quản lý các điểm vui chơi công cộng (không thu phí) còn gặp khó khăn do thiếu kinh phí thuê người trông nom và duy tu bảo dưỡng thiết bị. Với các dịch vụ vui chơi giải trí thu phí thì số đông trẻ em không có điều kiện tham gia. Trong khi việc quản lý các dịch vụ giải trí có nguy cơ gây hại cho trẻ em như: Internet, đồ chơi bạo lực, văn hoá phẩm độc hại...

Các hoạt động đảm bảo quyền tham gia của trẻ em được tăng cường thông qua một số hoạt động có hiệu quả như: Diễn đàn trẻ em các cấp (02 năm/lần); hội nghị đối thoại giữa trẻ em và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và huyện; tổ chức cuộc thi viết về quyền trẻ em... Đến nay, tại một số địa phương đang triển khai xây dựng hộp thư “Tiếng nói thuở thơ” tại nhà trường phổ thông. Từ năm 2006 đã ra mắt định kỳ tập san “Hoa Nhân” dành riêng cho trẻ em trong tỉnh, tạo cơ hội để trẻ em được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về những vấn đề thực hiện quyền trẻ em cũng như các vấn đề xã hội.

Tuy nhiên, do kinh phí hạn chế, những hoạt động trên chưa được thực hiện thường xuyên, quy mô còn nhỏ, chưa thực sự tạo được cơ hội để đông đảo trẻ em trong tỉnh tham gia thường xuyên.

2.6. Nguồn lực dành cho công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em

Công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em của cả 3 cấp chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, bên cạnh đó có sự đóng góp, ủng hộ của cộng đồng.

Tuy nhiên phần kinh phí từ ngân sách chi cho mục tiêu bảo vệ trẻ em còn hạn chế. Tổng kinh phí chi cho mục tiêu này trong 10 năm qua của cả 3 cấp khoảng 30 tỷ đồng, trong đó phần lớn từ nguồn Quỹ Bảo trợ trẻ em.

3. Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

Trong bối cảnh xã hội bị ảnh hưởng tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị, lối sống thực dụng, vô cảm, thiếu trách nhiệm của một bộ phận người dân đối với trẻ em; nhiều bậc phụ huynh chưa làm tròn trách nhiệm, chưa thực sự quan tâm đến con cái; văn hoá và lối sống ngoại lai không phù hợp với truyền thống, thuần phong mỹ tục của dân tộc là nguy cơ ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của trẻ em. Trong khi nhiều tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng, gây ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống an toàn của các gia đình và bản thân trẻ em.

Trẻ em là đối tượng đặc biệt, chưa trưởng thành, bị phụ thuộc, bị hạn chế trong việc bảo vệ quyền hợp pháp của mình; lĩnh vực BVCSGD trẻ em là lĩnh vực đa ngành. Vì vậy các văn bản pháp quy cần cụ thể, rõ ràng, dễ thực hiện,

mỗi lĩnh vực/hoạt động cần cộng đồng trách nhiệm cao của các cấp, các ngành, các cơ quan/đơn vị. Quá trình thực hiện Luật BVCSGDTE đã gặp phải một số khó khăn như:

- Có sự bất cập trong áp dụng quy định về độ tuổi trẻ em tại Luật BVCSGDTE với Công ước quốc tế về quyền trẻ em và một số văn bản luật pháp khác có liên quan.

- Việc quy định trách nhiệm trong việc đảm bảo quyền trẻ em chưa cụ thể (có nhiều đối tượng cùng thực hiện một nội dung, trong khi các Nghị định cũng chưa hướng dẫn cụ thể).

- Trách nhiệm khai sinh cho trẻ em đã được quy định nhưng trên thực tế sẽ có nhiều tình huống phức tạp, ảnh hưởng đến quyền được khai sinh của trẻ em. Cần có quy định về mặt nguyên tắc để đảm bảo mọi trẻ em đều được khai sinh.

- Nhiều khái niệm liên quan đến trẻ em chưa thực sự rõ ràng, như các khái niệm về “Lao động trẻ em”, khái niệm các đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chưa bao quát được đầy đủ các đối tượng.

- Một số đối tượng, hành vi chưa được quy định trong Luật: Như trẻ em nghèo, trẻ em bị buôn bán...; hành vi kỳ thị, từ chối không tiếp nhận trẻ em là nạn nhân của HIV/AIDS vào học tập ...

- Quyền có tài sản của trẻ em đã được quy định trong Luật BVCSGDTE và một số Luật khác như Bộ Luật Dân sự, Luật Hôn nhân Gia đình. Tuy nhiên, do thói quen, tập quán của các gia đình, đây là một nội dung có thể gây ra nhiều hiểu nhầm nếu không quy định một cách cụ thể.

- Cần kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống cơ quan chuyên môn về công tác BVCSGDTE các cấp.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Một số cấp uỷ, chính quyền chưa thường xuyên quan tâm đúng mức đến công tác BVCSGDTE. Điều kiện ngân sách của các địa phương chi cho quản lý nhà nước về bảo vệ trẻ em còn rất hạn chế.

Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em là lĩnh vực công tác gắn trực tiếp với cơ sở, cần có lực lượng cán bộ, cộng tác viên địa bàn tham gia nắm tình hình, kịp thời phát hiện những yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến trẻ em, thực hiện tư vấn, hỗ trợ cho trẻ em. Tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ chăm sóc trẻ em trong giai đoạn vừa qua có quá nhiều thay đổi. Lực lượng cán bộ các cấp còn thiếu về số lượng và hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm. Cán bộ làm công tác BVCSGDTE cấp xã kiêm nhiệm nhiều công việc. Cộng tác viên làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em đến nay không còn được duy trì. Việc cập nhật thông tin và thực hiện chế độ báo cáo của cấp xã và cấp huyện chưa thường xuyên, kịp thời.

Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em của một số địa phương còn chưa thường xuyên. Một số cơ sở dù đã đưa mục tiêu vì trẻ em vào làm tiêu chí thi đua nhưng khi thực hiện chưa thật nghiêm túc.

- Những “quy chuẩn” cụ thể về điểm vui chơi giải trí cho trẻ em chưa rõ ràng, gây khó khăn cho việc đánh giá các điểm đạt chuẩn. Kinh phí đầu tư cho việc xây dựng cơ sở vật chất và hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em còn hạn chế, việc huy động nguồn xã hội hóa còn ở mức độ khiêm tốn.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị HĐND tỉnh đề xuất với Quốc hội và quan tâm thực hiện một số nội dung sau:

1. Sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, trong đó có những quy định cụ thể về trách nhiệm thực hiện quyền trẻ em; bổ sung một số điều khoản, nội dung; mở rộng quy định về việc tổ chức và cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, các hỗ trợ và chế tài đặc biệt cho trẻ em nạn nhân bị bạo lực, xâm hại và gia đình các em.

2. Đẩy mạnh các hoạt động đối thoại chính sách dành cho trẻ em và các hoạt động có sự tham gia của trẻ em tại HĐND các cấp nhằm nâng cao vai trò, vị trí của trẻ em trong xã hội, đồng thời xây dựng các chính sách phù hợp với thực tế và nguyện vọng của trẻ em.

3. Tiếp tục tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Luật BVCSGDTE và công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh Hưng Yên về tình hình thực hiện Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban VHXH HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành: Công an tỉnh, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- CV: VX, TH, NC;
- Lưu: VT, VX^S.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Khắc Hòa